

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 163/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 09/03/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 24, 25, 26/02/2023

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT001	Triệu Thị An	22/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	DBG014085	CNTT/23/1371	Đạt	
2	CNTT002	Chu Hùng Anh	01/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014086	CNTT/23/1372	Đạt	
3	CNTT003	Diệp Thị Vân Anh	20/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG014087	CNTT/23/1373	Đạt	
4	CNTT004	Đỗ Thị Tú Anh	02/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	DBG014088	CNTT/23/1374	Đạt	
5	CNTT005	Dương Thị Quỳnh Anh	21/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,5	DBG014089	CNTT/23/1375	Đạt	
6	CNTT006	Hà Tiến Anh	27/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014090	CNTT/23/1376	Đạt	
7	CNTT007	Hoàng Tuấn Anh	13/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014091	CNTT/23/1377	Đạt	
8	CNTT008	Hoàng Văn Anh	17/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014092	CNTT/23/1378	Đạt	
9	CNTT009	Lê Thị Quỳnh Anh	25/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG014093	CNTT/23/1379	Đạt	
10	CNTT010	Lý Công Anh	05/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG014094	CNTT/23/1380	Đạt	
11	CNTT011	Nguyễn Bá Quang Anh	22/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,0	DBG014095	CNTT/23/1381	Đạt	
12	CNTT012	Nguyễn Đức Tuấn Anh	19/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014096	CNTT/23/1382	Đạt	
13	CNTT013	Nguyễn Thị Vân Anh	16/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG014097	CNTT/23/1383	Đạt	
14	CNTT014	Nguyễn Việt Anh	09/06/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014098	CNTT/23/1384	Đạt	
15	CNTT015	Phạm Tuấn Anh	17/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG014099	CNTT/23/1385	Đạt	
16	CNTT016	Trịnh Tuấn Anh	23/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG014100	CNTT/23/1386	Đạt	
17	CNTT017	Trương Thị Kim Anh	09/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	DBG014101	CNTT/23/1387	Đạt	
18	CNTT018	Chu Ngọc Ánh	29/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG014102	CNTT/23/1388	Đạt	
19	CNTT019	Đinh Hồng Ánh	04/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	5,5	DBG014103	CNTT/23/1389	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT020	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	04/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	DBG014104	CNTT/23/1390	Đạt	
21	CNTT021	Phạm Quân Bảo	20/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014105	CNTT/23/1391	Đạt	
22	CNTT022	Lại Xuân Bắc	14/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG014106	CNTT/23/1392	Đạt	
23	CNTT023	Lý Xuân Bắc	16/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014107	CNTT/23/1393	Đạt	
24	CNTT024	Dương Tiểu Băng	15/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	DBG014108	CNTT/23/1394	Đạt	
25	CNTT025	Nguyễn Xuân Bình	31/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014109	CNTT/23/1395	Đạt	
26	CNTT026	Trịnh Văn Cảnh	17/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014110	CNTT/23/1396	Đạt	
27	CNTT027	Vũ Thị Kim Chi	22/08/2000	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG014111	CNTT/23/1397	Đạt	
28	CNTT028	Dương Thế Chính	31/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014112	CNTT/23/1398	Đạt	
29	CNTT029	Đinh Thị Chúc	30/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG014113	CNTT/23/1399	Đạt	
30	CNTT030	Đặng Văn Chung	20/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014114	CNTT/23/1400	Đạt	
31	CNTT031	Hoàng Văn Công	22/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014115	CNTT/23/1401	Đạt	
32	CNTT032	Trương Thị Cúc	07/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014116	CNTT/23/1402	Đạt	
33	CNTT033	Hoàng Văn Cương	11/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014117	CNTT/23/1403	Đạt	
34	CNTT034	Lâm Văn Cương	20/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014118	CNTT/23/1404	Đạt	
35	CNTT035	Trịnh Cá Cường	20/06/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	5,0	DBG014119	CNTT/23/1405	Đạt	
36	CNTT036	Nông Thị Hồng Dân	28/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014120	CNTT/23/1406	Đạt	
37	CNTT037	Mã Văn Dậu	23/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014121	CNTT/23/1407	Đạt	
38	CNTT038	Hứa Văn Doanh	13/03/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014122	CNTT/23/1408	Đạt	
39	CNTT039	Phùng Thị Doanh	05/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014123	CNTT/23/1409	Đạt	
40	CNTT040	Lương Thị Dung	26/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014124	CNTT/23/1410	Đạt	
41	CNTT041	Nguyễn Thị Dung	07/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG014125	CNTT/23/1411	Đạt	
42	CNTT042	Vi Thị Dung	23/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,0	DBG014126	CNTT/23/1412	Đạt	
43	CNTT043	Lưu Văn Dũng	25/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	7,0	DBG014127	CNTT/23/1413	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT044	Hà Ngọc	Duy	28/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014128	CNTT/23/1414	Đạt	
45	CNTT045	Lý Khánh	Duy	18/07/2004	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	DBG014129	CNTT/23/1415	Đạt	
46	CNTT046	Vũ Đức	Duy	24/01/2005	Bắc Giang	Nam	5,7	5,0	DBG014130	CNTT/23/1416	Đạt	
47	CNTT047	Diệp Văn	Dự	17/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	DBG014131	CNTT/23/1417	Đạt	
48	CNTT048	Lục Văn	Dương	12/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG014132	CNTT/23/1418	Đạt	
49	CNTT049	Mai Thành	Dương	13/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014133	CNTT/23/1419	Đạt	
50	CNTT050	Luân Văn	Đại	08/10/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014134	CNTT/23/1420	Đạt	
51	CNTT051	Hoàng Bảo	Đan	14/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG014135	CNTT/23/1421	Đạt	
52	CNTT052	Đào Đình	Đàn	31/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	DBG014136	CNTT/23/1422	Đạt	
53	CNTT053	Từ Thị Bích	Đào	25/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,5	DBG014137	CNTT/23/1423	Đạt	
54	CNTT054	Hoàng Tiến	Đạt	11/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014138	CNTT/23/1424	Đạt	
55	CNTT055	Mạc Xuân	Đạt	13/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014139	CNTT/23/1425	Đạt	
56	CNTT056	Trần Quang	Đạt	11/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,0	DBG014140	CNTT/23/1426	Đạt	
57	CNTT057	Chu Đức	Diệp	04/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014141	CNTT/23/1427	Đạt	
58	CNTT058	Diệp Văn	Diệp	25/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	DBG014142	CNTT/23/1428	Đạt	
59	CNTT059	Dương Ngọc	Diệp	02/09/2005	Bắc Giang	Nam	5,5	6,0	DBG014143	CNTT/23/1429	Đạt	
60	CNTT060	Giáp Anh	Diệp	03/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014144	CNTT/23/1430	Đạt	
61	CNTT061	Trương Tiến	Định	20/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014145	CNTT/23/1431	Đạt	
62	CNTT062	Nông Văn	Đoàn	18/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014146	CNTT/23/1432	Đạt	
63	CNTT063	Lưu Tiên	Đô	14/08/2005	Hà Nội	Nam	7,0	6,5	DBG014147	CNTT/23/1433	Đạt	
64	CNTT064	Chu Văn	Đội	13/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014148	CNTT/23/1434	Đạt	
65	CNTT065	Nguyễn Đức	Đông	07/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014149	CNTT/23/1435	Đạt	
66	CNTT066	Hoàng Duy	Đồng	26/09/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	5,5	DBG014150	CNTT/23/1436	Đạt	
67	CNTT067	Vì Văn	Đồng	16/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014151	CNTT/23/1437	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT068	Giáp Mạnh	Đức	23/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014152	CNTT/23/1438	Đạt	
69	CNTT069	Nguyễn văn	Đức	12/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014153	CNTT/23/1439	Đạt	
70	CNTT070	Trần Trung	Đức	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG014154	CNTT/23/1440	Đạt	
71	CNTT071	Vũ Anh	Đức	22/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,5	DBG014155	CNTT/23/1441	Đạt	
72	CNTT072	Trịnh Văn	Giáp	10/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014156	CNTT/23/1442	Đạt	
73	CNTT073	Ngô Thắm	Hà	31/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014157	CNTT/23/1443	Đạt	
74	CNTT074	Nguyễn Mạnh	Hà	19/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014158	CNTT/23/1444	Đạt	
75	CNTT075	Nguyễn Thu	Hà	16/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014159	CNTT/23/1445	Đạt	
76	CNTT076	Vũ Thị	Hà	11/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG014160	CNTT/23/1446	Đạt	
77	CNTT077	Vy Thị Thu	Hà	02/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014161	CNTT/23/1447	Đạt	
78	CNTT078	Vũ Đại	Hải	23/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014162	CNTT/23/1448	Đạt	
79	CNTT079	Nguyễn Thị	Hạnh	01/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,5	DBG014163	CNTT/23/1449	Đạt	
80	CNTT080	Hồ Công	Hào	31/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014164	CNTT/23/1450	Đạt	
81	CNTT081	Đặng Thu	Hiền	15/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014165	CNTT/23/1451	Đạt	
82	CNTT082	Nguyễn Thuý	Hiền	12/10/2004	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014166	CNTT/23/1452	Đạt	
83	CNTT083	Nguyễn Thúy	Hiền	25/10/2004	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,0	DBG014167	CNTT/23/1453	Đạt	
84	CNTT084	Nguyễn Văn	Hiền	09/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014168	CNTT/23/1454	Đạt	
85	CNTT085	Trần Thị Thu	Hiền	22/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG014169	CNTT/23/1455	Đạt	
86	CNTT086	Lăng Thị	Hiệp	22/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014170	CNTT/23/1456	Đạt	
87	CNTT087	Lê Thanh	Hiệp	23/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014171	CNTT/23/1457	Đạt	
88	CNTT088	Mai Văn	Hiệp	13/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014172	CNTT/23/1458	Đạt	
89	CNTT089	Hoàng Văn	Hiếu	12/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG014173	CNTT/23/1459	Đạt	
90	CNTT090	Lâm Văn	Hiếu	03/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG014174	CNTT/23/1460	Đạt	
91	CNTT091	Nguyễn Thị	Hiếu	29/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014175	CNTT/23/1461	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
92	CNTT092	Phạm Minh	Hiếu	16/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014176	CNTT/23/1462	Đạt	
93	CNTT093	Hoàng Thị	Hoa	02/05/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	DBG014177	CNTT/23/1463	Đạt	
94	CNTT094	Vi Văn	Hoàn	10/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	DBG014178	CNTT/23/1464	Đạt	
95	CNTT095	Liêu Huy	Hoàng	08/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014179	CNTT/23/1465	Đạt	
96	CNTT096	Nguyễn Minh	Hùng	14/03/2003	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG014180	CNTT/23/1466	Đạt	
97	CNTT097	Lưu Văn	Huy	20/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014181	CNTT/23/1467	Đạt	
98	CNTT098	Nguyễn Quang	Huy	18/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014182	CNTT/23/1468	Đạt	
99	CNTT099	Lê Thị	Huyền	29/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG014183	CNTT/23/1469	Đạt	
100	CNTT100	Trần Thị	Huyền	14/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014184	CNTT/23/1470	Đạt	
101	CNTT101	Chuyên Văn	Hưng	01/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG014185	CNTT/23/1471	Đạt	
102	CNTT102	Diệp Thị	Hường	08/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG014186	CNTT/23/1472	Đạt	
103	CNTT103	Dương Đức	Hữu	03/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014187	CNTT/23/1473	Đạt	
104	CNTT104	Dương Văn	Kết	03/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014188	CNTT/23/1474	Đạt	
105	CNTT105	Nguyễn Văn	Khải	13/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014189	CNTT/23/1475	Đạt	
106	CNTT106	Trương Tuấn	Khanh	07/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014190	CNTT/23/1476	Đạt	
107	CNTT107	Hoàng Văn	Khánh	15/08/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG014191	CNTT/23/1477	Đạt	
108	CNTT108	Nguyễn Quang	Khánh	30/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014192	CNTT/23/1478	Đạt	
109	CNTT109	Trần Duy	Khánh	02/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014193	CNTT/23/1479	Đạt	
110	CNTT110	Nguyễn Minh	Khiết	26/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014194	CNTT/23/1480	Đạt	
111	CNTT111	Nguyễn Minh	Khoa	14/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014195	CNTT/23/1481	Đạt	
112	CNTT112	Chu Bá	Khôi	09/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014196	CNTT/23/1482	Đạt	
113	CNTT113	Hoàng Văn	Khôi	18/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014197	CNTT/23/1483	Đạt	
114	CNTT114	Tôn Văn	Khuyến	07/06/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014198	CNTT/23/1484	Đạt	
115	CNTT115	Trần Văn	Khương	23/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG014199	CNTT/23/1485	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
116	CNTT116	Lã Việt	Kiều	19/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG014200	CNTT/23/1486	Đạt	
117	CNTT117	Chu Ngọc	Lan	19/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	DBG014201	CNTT/23/1487	Đạt	
118	CNTT118	Lê Đại	Lâm	06/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG014202	CNTT/23/1488	Đạt	
119	CNTT119	Lý Hải	Lâm	09/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	DBG014203	CNTT/23/1489	Đạt	
120	CNTT120	Diệp Thị	Lệ	06/12/2004	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG014204	CNTT/23/1490	Đạt	
121	CNTT121	Hoàng Thu	Liều	16/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,5	DBG014205	CNTT/23/1491	Đạt	
122	CNTT122	Diệp Thị Thùy	Linh	27/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	7,0	DBG014206	CNTT/23/1492	Đạt	
123	CNTT123	Hồ Diệp	Linh	02/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014207	CNTT/23/1493	Đạt	
124	CNTT124	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	19/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG014208	CNTT/23/1494	Đạt	
125	CNTT125	Mạc Thị	Linh	01/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG014209	CNTT/23/1495	Đạt	
126	CNTT126	Nguyễn Quang	Linh	13/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	DBG014210	CNTT/23/1496	Đạt	
127	CNTT127	Nguyễn Mạnh	Long	28/04/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014211	CNTT/23/1497	Đạt	
128	CNTT128	Tổng Thị	Lụa	11/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	DBG014212	CNTT/23/1498	Đạt	
129	CNTT129	Nguyễn Bá	Luân	01/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014213	CNTT/23/1499	Đạt	
130	CNTT130	Đình Văn	Lương	24/02/2005	Hưng Yên	Nam	6,5	7,5	DBG014214	CNTT/23/1500	Đạt	
131	CNTT131	Phạm Văn	Lưu	26/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014215	CNTT/23/1501	Đạt	
132	CNTT132	Chu Thị	Ly	21/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG014216	CNTT/23/1502	Đạt	
133	CNTT133	Dương Cẩm	Ly	05/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014217	CNTT/23/1503	Đạt	
134	CNTT134	Hoàng Khánh	Ly	16/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG014218	CNTT/23/1504	Đạt	
135	CNTT135	Hoàng Khánh	Ly	03/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014219	CNTT/23/1505	Đạt	
136	CNTT136	Hoàng Thị	Mai	21/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG014220	CNTT/23/1506	Đạt	
137	CNTT137	Nông Thị	Mai	13/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG014221	CNTT/23/1507	Đạt	
138	CNTT138	Từ Thị	Mai	17/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG014222	CNTT/23/1508	Đạt	
139	CNTT139	Chu Đức	Mạnh	30/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014223	CNTT/23/1509	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT140	Lê Đức Mạnh	11/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014224	CNTT/23/1510	Đạt	
141	CNTT141	Mạc Văn Mạnh	28/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014225	CNTT/23/1511	Đạt	
142	CNTT142	Vi Thị Miên	02/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014226	CNTT/23/1512	Đạt	
143	CNTT143	Lành Giang Minh	16/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014227	CNTT/23/1513	Đạt	
144	CNTT144	Nguyễn Công Minh	07/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG014228	CNTT/23/1514	Đạt	
145	CNTT145	Tổng Văn Minh	20/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014229	CNTT/23/1515	Đạt	
146	CNTT146	Chu văn Mừng	17/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	7,0	DBG014230	CNTT/23/1516	Đạt	
147	CNTT147	Hoàng Văn Mười	14/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG014231	CNTT/23/1517	Đạt	
148	CNTT148	Lăng Trà My	29/01/2005	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	DBG014232	CNTT/23/1518	Đạt	
149	CNTT149	Phan Thị Trà My	18/01/2005	Bắc Giang	Nữ	5,7	5,5	DBG014233	CNTT/23/1519	Đạt	
150	CNTT150	Hoàng Giang Nam	09/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014234	CNTT/23/1520	Đạt	
151	CNTT151	Hoàng Quốc Nam	11/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG014235	CNTT/23/1521	Đạt	
152	CNTT152	Nguyễn Đức Nam	28/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014236	CNTT/23/1522	Đạt	
153	CNTT153	Lại Thị Hồng Nga	17/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014237	CNTT/23/1523	Đạt	
154	CNTT154	Nguyễn Thúy Nga	12/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG014238	CNTT/23/1524	Đạt	
155	CNTT155	Trương Thị Nga	05/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG014239	CNTT/23/1525	Đạt	
156	CNTT156	Trương Thị Ngân	16/05/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,0	DBG014240	CNTT/23/1526	Đạt	
157	CNTT157	Nguyễn Thị Thanh Ngàn	07/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	DBG014241	CNTT/23/1527	Đạt	
158	CNTT158	Chu Trung Nghĩa	22/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG014242	CNTT/23/1528	Đạt	
159	CNTT159	Giáp Văn Nghĩa	24/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014243	CNTT/23/1529	Đạt	
160	CNTT160	Tổng Thị Nghiêm	08/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG014244	CNTT/23/1530	Đạt	
161	CNTT161	Diệp Thị Ngọc	02/07/2005	Bắc Giang	Nữ	5,5	6,0	DBG014245	CNTT/23/1531	Đạt	
162	CNTT162	Hứa Văn Ngọc	10/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014246	CNTT/23/1532	Đạt	
163	CNTT163	Trần Công Nguyên	06/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014247	CNTT/23/1533	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
164	CNTT164	Nguyễn Thị	Nguyệt	04/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG014248	CNTT/23/1534	Đạt	
165	CNTT165	Vi Văn	Nhân	02/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG014249	CNTT/23/1535	Đạt	
166	CNTT166	Hoàng Văn	Nhất	16/10/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG014250	CNTT/23/1536	Đạt	
167	CNTT167	Viên Văn	Nhất	21/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014251	CNTT/23/1537	Đạt	
168	CNTT168	Nguyễn Thị Yến	Nhi	13/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG014252	CNTT/23/1538	Đạt	
169	CNTT169	Triệu Thị	Nhung	22/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG014253	CNTT/23/1539	Đạt	
170	CNTT170	Lăng Thị Quỳnh	Như	13/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	DBG014254	CNTT/23/1540	Đạt	
171	CNTT171	Vi Văn	Như	08/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014255	CNTT/23/1541	Đạt	
172	CNTT172	Đặng Thị	Oanh	28/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,0	DBG014256	CNTT/23/1542	Đạt	
173	CNTT173	Vi Thị	Ọn	23/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG014257	CNTT/23/1543	Đạt	
174	CNTT174	Bùi Văn	Phong	21/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG014258	CNTT/23/1544	Đạt	
175	CNTT175	Lường Văn	Phúc	14/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014259	CNTT/23/1545	Đạt	
176	CNTT176	Trương Huy	Phúc	02/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014260	CNTT/23/1546	Đạt	
177	CNTT177	Hứa Đức	Phương	02/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	7,0	DBG014261	CNTT/23/1547	Đạt	
178	CNTT178	Lục Anh	Phương	10/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014262	CNTT/23/1548	Đạt	
179	CNTT179	Nguyễn Thị	Phương	22/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014263	CNTT/23/1549	Đạt	
180	CNTT180	Nguyễn Thị	Phượng	19/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG014264	CNTT/23/1550	Đạt	
181	CNTT181	Phan Việt	Quang	27/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014265	CNTT/23/1551	Đạt	
182	CNTT182	Dương Văn	Quân	23/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG014266	CNTT/23/1552	Đạt	
183	CNTT183	Leo Văn	Quân	13/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	DBG014267	CNTT/23/1553	Đạt	
184	CNTT184	Ngô Đức	Quân	17/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014268	CNTT/23/1554	Đạt	
185	CNTT185	Nguyễn Ngọc Hồng	Quân	21/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014269	CNTT/23/1555	Đạt	
186	CNTT186	Lư Văn	Quý	30/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014270	CNTT/23/1556	Đạt	
187	CNTT187	Nguyễn Đình	Quý	24/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014271	CNTT/23/1557	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
188	CNTT188	Vi Thị	Quý	13/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,0	DBG014272	CNTT/23/1558	Đạt	
189	CNTT189	Luân Văn	Quyên	14/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014273	CNTT/23/1559	Đạt	
190	CNTT190	Hoàng Văn	Quyển	29/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG014274	CNTT/23/1560	Đạt	
191	CNTT191	Đỗ Đức	Quyền	16/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014275	CNTT/23/1561	Đạt	
192	CNTT192	Đỗ Văn	Quyên	14/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG014276	CNTT/23/1562	Đạt	
193	CNTT193	Nguyễn Ngọc	Quyết	19/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014277	CNTT/23/1563	Đạt	
194	CNTT194	Tạ Văn	Quyết	23/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014278	CNTT/23/1564	Đạt	
195	CNTT195	Vi Văn	Quyết	26/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG014279	CNTT/23/1565	Đạt	
196	CNTT196	Hà Đức	Sinh	25/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014280	CNTT/23/1566	Đạt	
197	CNTT197	Từ Văn	Son	19/03/1980	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG014281	CNTT/23/1567	Đạt	
198	CNTT198	Trương Văn	Thái	23/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014282	CNTT/23/1568	Đạt	
199	CNTT199	Hoàng Thị	Thanh	04/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014283	CNTT/23/1569	Đạt	
200	CNTT200	Nguyễn Thị	Thanh	11/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	7,0	DBG014284	CNTT/23/1570	Đạt	
201	CNTT201	Giáp Văn	Thành	26/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014285	CNTT/23/1571	Đạt	
202	CNTT202	Lưu Thị Phương	Thảo	18/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,0	DBG014286	CNTT/23/1572	Đạt	
203	CNTT203	Trần Thu	Thảo	14/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,0	DBG014287	CNTT/23/1573	Đạt	
204	CNTT204	Phạm Thị	Thắm	06/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	DBG014288	CNTT/23/1574	Đạt	
205	CNTT205	Thị Thị Thu	Thắm	04/10/2004	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG014289	CNTT/23/1575	Đạt	
206	CNTT206	Bế Đức	Thắng	30/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014290	CNTT/23/1576	Đạt	
207	CNTT207	Chu Đức	Thắng	22/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG014291	CNTT/23/1577	Đạt	
208	CNTT208	Dương Văn	Thắng	21/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG014292	CNTT/23/1578	Đạt	
209	CNTT209	Hoàng Trung	Thật	04/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG014293	CNTT/23/1579	Đạt	
210	CNTT210	Vi Mạnh	Thế	30/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014294	CNTT/23/1580	Đạt	
211	CNTT211	Chu Văn	Thêm	19/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	DBG014295	CNTT/23/1581	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
212	CNTT212	Nguyễn Văn	Thiệu	01/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014296	CNTT/23/1582	Đạt	
213	CNTT213	Phan Văn	Thọ	07/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014297	CNTT/23/1583	Đạt	
214	CNTT214	Bùi Văn	Thuận	14/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014298	CNTT/23/1584	Đạt	
215	CNTT215	Giáp Đình	Thuận	20/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014299	CNTT/23/1585	Đạt	
216	CNTT216	Lý Văn	Thuận	21/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014300	CNTT/23/1586	Đạt	
217	CNTT217	Phan Hữu	Thuận	09/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG014301	CNTT/23/1587	Đạt	
218	CNTT218	Vi Thị	Thuận	02/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG014302	CNTT/23/1588	Đạt	
219	CNTT219	Nguyễn Quang	Thuật	30/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014303	CNTT/23/1589	Đạt	
220	CNTT220	Bùi Phương	Thủy	05/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	DBG014304	CNTT/23/1590	Đạt	
221	CNTT221	Nguyễn Văn	Thủy	06/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014305	CNTT/23/1591	Đạt	
222	CNTT222	Ân Thị	Thủy	18/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014306	CNTT/23/1592	Đạt	
223	CNTT223	Hoàng Văn	Thủy	08/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014307	CNTT/23/1593	Đạt	
224	CNTT224	Lê Như	Thủy	30/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014308	CNTT/23/1594	Đạt	
225	CNTT225	Phạm Văn	Thuyên	15/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG014309	CNTT/23/1595	Đạt	
226	CNTT226	Vi Thị	Thừa	07/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG014310	CNTT/23/1596	Đạt	
227	CNTT227	Lưu Văn	Thức	23/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014311	CNTT/23/1597	Đạt	
228	CNTT228	Hoàng Văn	Thực	03/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG014312	CNTT/23/1598	Đạt	
229	CNTT229	Diệp Văn	Thương	07/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014313	CNTT/23/1599	Đạt	
230	CNTT230	Hoàng Thị	Thương	28/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG014314	CNTT/23/1600	Đạt	
231	CNTT231	Vũ Thị	Thương	01/08/2005	Hà Nội	Nữ	6,2	6,5	DBG014315	CNTT/23/1601	Đạt	
232	CNTT232	Đặng Anh	Thường	02/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014316	CNTT/23/1602	Đạt	
233	CNTT233	Trần Ngọc	Tín	25/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014317	CNTT/23/1603	Đạt	
234	CNTT234	Trần Thị	Tình	06/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG014318	CNTT/23/1604	Đạt	
235	CNTT235	Nguyễn Thị	Toan	26/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	7,0	DBG014319	CNTT/23/1605	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
236	CNTT236	Trương Văn	Toàn	26/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG014320	CNTT/23/1606	Đạt	
237	CNTT237	Lê Thu	Trang	19/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014321	CNTT/23/1607	Đạt	
238	CNTT238	Nguyễn Thị Thu	Trang	09/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014322	CNTT/23/1608	Đạt	
239	CNTT239	Trịnh Thị Huyền	Trang	02/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,5	DBG014323	CNTT/23/1609	Đạt	
240	CNTT240	Trần Thị Kiều	Trinh	13/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	8,0	DBG014324	CNTT/23/1610	Đạt	
241	CNTT241	Luân Văn	Trọng	26/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,5	DBG014325	CNTT/23/1611	Đạt	
242	CNTT242	Vi Văn	Trọng	25/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG014326	CNTT/23/1612	Đạt	
243	CNTT243	Nguyễn Quang	Trung	03/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014327	CNTT/23/1613	Đạt	
244	CNTT244	Đặng Xuân	Trường	10/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014328	CNTT/23/1614	Đạt	
245	CNTT245	Đường Văn	Trường	22/10/2004	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG014329	CNTT/23/1615	Đạt	
246	CNTT246	Leo Văn	Trường	15/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014330	CNTT/23/1616	Đạt	
247	CNTT247	Chu Minh	Tú	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014331	CNTT/23/1617	Đạt	
248	CNTT248	Phan Văn	Tú	01/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG014332	CNTT/23/1618	Đạt	
249	CNTT249	Vi Anh	Tú	20/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014333	CNTT/23/1619	Đạt	
250	CNTT250	Vũ Văn	Tú	17/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014334	CNTT/23/1620	Đạt	
251	CNTT251	Chu Anh	Tuấn	09/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014335	CNTT/23/1621	Đạt	
252	CNTT252	Hoàng Văn	Tuấn	18/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014336	CNTT/23/1622	Đạt	
253	CNTT253	Phạm Anh	Tuấn	07/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG014337	CNTT/23/1623	Đạt	
254	CNTT254	Trần Đức	Tuấn	24/04/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014338	CNTT/23/1624	Đạt	
255	CNTT255	Đào Quang	Tùng	13/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG014339	CNTT/23/1625	Đạt	
256	CNTT256	Ngô Thế	Tùng	26/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG014340	CNTT/23/1626	Đạt	
257	CNTT257	Hoàng Văn	Tuyên	30/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014341	CNTT/23/1627	Đạt	
258	CNTT258	Leo Văn	Tuyên	04/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,5	DBG014342	CNTT/23/1628	Đạt	
259	CNTT259	Trần Văn	Tuyên	26/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG014343	CNTT/23/1629	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
260	CNTT260	Vi Thị Hồng	Tuyển	15/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG014344	CNTT/23/1630	Đạt	
261	CNTT261	Lý Kim	Tuyết	01/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG014345	CNTT/23/1631	Đạt	
262	CNTT262	Trịnh Thị	Tuyết	13/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG014346	CNTT/23/1632	Đạt	
263	CNTT263	Vy Văn	Tự	25/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014347	CNTT/23/1633	Đạt	
264	CNTT264	Chu Văn	Tường	24/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	DBG014348	CNTT/23/1634	Đạt	
265	CNTT265	Hoàng Văn	Tường	07/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014349	CNTT/23/1635	Đạt	
266	CNTT266	Hoàng Thị	Uyên	09/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG014350	CNTT/23/1636	Đạt	
267	CNTT267	Leo Thị	Vân	05/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG014351	CNTT/23/1637	Đạt	
268	CNTT268	Quách Thị Cẩm	Vân	14/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG014352	CNTT/23/1638	Đạt	
269	CNTT269	Bùi Thị Hà	Vi	29/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG014353	CNTT/23/1639	Đạt	
270	CNTT270	Lê Duy	Việt	28/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014354	CNTT/23/1640	Đạt	
271	CNTT271	Leo Hồng	Việt	09/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014355	CNTT/23/1641	Đạt	
272	CNTT272	Nguyễn Tài	Việt	26/05/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014356	CNTT/23/1642	Đạt	
273	CNTT273	Leo Văn	Vinh	12/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	DBG014357	CNTT/23/1643	Đạt	
274	CNTT274	Nguyễn Thanh	Vinh	17/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014358	CNTT/23/1644	Đạt	
275	CNTT275	Chu Hoàng	Vũ	22/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014359	CNTT/23/1645	Đạt	
276	CNTT276	Hoàng Minh	Vũ	29/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG014360	CNTT/23/1646	Đạt	
277	CNTT277	Lành Long	Vũ	25/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG014361	CNTT/23/1647	Đạt	
278	CNTT278	Lê Văn	Vũ	17/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014362	CNTT/23/1648	Đạt	
279	CNTT279	Leo Đình	Vũ	21/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014363	CNTT/23/1649	Đạt	
280	CNTT280	Nguyễn Minh	Vũ	07/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014364	CNTT/23/1650	Đạt	
281	CNTT281	Nguyễn Trường	Vũ	02/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	7,0	DBG014365	CNTT/23/1651	Đạt	
282	CNTT282	Leo Thị	Vui	28/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG014366	CNTT/23/1652	Đạt	
283	CNTT283	Phùng Văn	Yên	21/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014367	CNTT/23/1653	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
284	CNTT284	Phan Thị Yến	04/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,5	DBG014368	CNTT/23/1654	Đạt	
285	CNTT285	Từ Hải Yến	18/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,5	DBG014369	CNTT/23/1655	Đạt	
286	CNTT286	Ngọc Tuấn Anh	07/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014370	CNTT/23/1656	Đạt	
287	CNTT287	Nguyễn Duy Anh	25/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014371	CNTT/23/1657	Đạt	
288	CNTT288	Nguyễn Thị Phương Anh	11/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG014372	CNTT/23/1658	Đạt	
289	CNTT289	La Ngọc Ánh	22/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014373	CNTT/23/1659	Đạt	
290	CNTT290	Hoàng Thị Bản	19/01/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,5	DBG014374	CNTT/23/1660	Đạt	
291	CNTT291	Trần Văn Bảo	30/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014375	CNTT/23/1661	Đạt	
292	CNTT292	Vũ Thế Bảo	20/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014376	CNTT/23/1662	Đạt	
293	CNTT293	Nguyễn Thị Ngọc Bích	22/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,5	DBG014377	CNTT/23/1663	Đạt	
294	CNTT294	Trần Văn Bính	23/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014378	CNTT/23/1664	Đạt	
295	CNTT295	Nguyễn Thanh Bình	15/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	DBG014379	CNTT/23/1665	Đạt	
296	CNTT296	Nịnh Duy Ca	06/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG014380	CNTT/23/1666	Đạt	
297	CNTT297	Lý Thị Châm	22/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG014381	CNTT/23/1667	Đạt	
298	CNTT298	Nguyễn Văn Công	29/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,5	DBG014382	CNTT/23/1668	Đạt	
299	CNTT299	Nguyễn Đình Cương	13/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014383	CNTT/23/1669	Đạt	
300	CNTT300	Đàm Quốc Cường	02/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014384	CNTT/23/1670	Đạt	
301	CNTT301	La Quốc Cường	04/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG014385	CNTT/23/1671	Đạt	
302	CNTT302	Nguyễn Minh Diễn	13/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG014386	CNTT/23/1672	Đạt	
303	CNTT303	Tô Vĩnh Diện	12/12/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG014387	CNTT/23/1673	Đạt	
304	CNTT304	Hoàng Tiến Dũng	18/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014388	CNTT/23/1674	Đạt	
305	CNTT305	Hồ Khương Duy	11/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014389	CNTT/23/1675	Đạt	
306	CNTT306	Lý Văn Duy	30/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014390	CNTT/23/1676	Đạt	
307	CNTT307	Ngọc Thị Duyên	23/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014391	CNTT/23/1677	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
308	CNTT308	Lãnh Văn	Dương	25/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014392	CNTT/23/1678	Đạt	
309	CNTT309	Lương Ngọc	Đại	16/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014393	CNTT/23/1679	Đạt	
310	CNTT310	Hà Văn	Đạt	11/11/2003	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014394	CNTT/23/1680	Đạt	
311	CNTT311	Hoàng Thị	Đạt	13/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014395	CNTT/23/1681	Đạt	
312	CNTT312	Nguyễn Văn	Đạt	08/10/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG014396	CNTT/23/1682	Đạt	
313	CNTT313	Trần Văn	Đạt	24/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014397	CNTT/23/1683	Đạt	
314	CNTT314	Trần Văn	Đạt	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014398	CNTT/23/1684	Đạt	
315	CNTT315	Linh Minh	Đăng	20/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG014399	CNTT/23/1685	Đạt	
316	CNTT316	Hoàng Thu	Điện	03/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014400	CNTT/23/1686	Đạt	
317	CNTT317	Nguyễn Thúy	Diệp	21/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG014401	CNTT/23/1687	Đạt	
318	CNTT318	Nguyễn Minh	Đoàn	04/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014402	CNTT/23/1688	Đạt	
319	CNTT319	Trần Văn	Đoàn	23/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014403	CNTT/23/1689	Đạt	
320	CNTT320	Lê Đình	Đô	07/01/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG014404	CNTT/23/1690	Đạt	
321	CNTT321	Mã Văn	Đô	02/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014405	CNTT/23/1691	Đạt	
322	CNTT322	Dương Phong	Độ	06/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014406	CNTT/23/1692	Đạt	
323	CNTT323	Đinh Quý	Đôn	11/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014407	CNTT/23/1693	Đạt	
324	CNTT324	Trần Thị	Đông	10/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	DBG014408	CNTT/23/1694	Đạt	
325	CNTT325	Vi Rạng	Đông	29/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014409	CNTT/23/1695	Đạt	
326	CNTT326	Đỗ Văn	Đức	10/02/2003	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014410	CNTT/23/1696	Đạt	
327	CNTT327	Lộc Văn	Đức	25/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014411	CNTT/23/1697	Đạt	
328	CNTT328	Vũ Minh	Được	31/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,0	DBG014412	CNTT/23/1698	Đạt	
329	CNTT329	Ngọc Thị	Giang	25/08/2004	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG014413	CNTT/23/1699	Đạt	
330	CNTT330	Nguyễn Thị	Giang	01/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG014414	CNTT/23/1700	Đạt	
331	CNTT331	Trạc Hoàng	Giang	24/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014415	CNTT/23/1701	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
332	CNTT332	Đặng Ngọc	Hà	15/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014416	CNTT/23/1702	Đạt	
333	CNTT333	Đặng Thị	Hà	14/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014417	CNTT/23/1703	Đạt	
334	CNTT334	Chu Thị	Hạ	09/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014418	CNTT/23/1704	Đạt	
335	CNTT335	Hà Thị Khánh	Hạ	24/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,0	DBG014419	CNTT/23/1705	Đạt	
336	CNTT336	Trần Văn	Hải	05/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014420	CNTT/23/1706	Đạt	
337	CNTT337	Trần Đan	Hạnh	21/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014421	CNTT/23/1707	Đạt	
338	CNTT338	Nguyễn Thị	Hào	16/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014422	CNTT/23/1708	Đạt	
339	CNTT339	Hoàng Thu	Hằng	18/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,5	DBG014423	CNTT/23/1709	Đạt	
340	CNTT340	Mai Thị	Hiên	12/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014424	CNTT/23/1710	Đạt	
341	CNTT341	Giáp Văn	Hiên	30/11/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014425	CNTT/23/1711	Đạt	
342	CNTT342	Nguyễn Thị Thu	Hiên	27/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014426	CNTT/23/1712	Đạt	
343	CNTT343	Hà Văn	Hiệp	13/09/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014427	CNTT/23/1713	Đạt	
344	CNTT344	Ban Văn	Hiếu	16/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014428	CNTT/23/1714	Đạt	
345	CNTT345	Hoàng Minh	Hiếu	03/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014429	CNTT/23/1715	Đạt	
346	CNTT346	Ngọc Văn	Hiếu	01/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG014430	CNTT/23/1716	Đạt	
347	CNTT347	Vi Trọng	Hiếu	20/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014431	CNTT/23/1717	Đạt	
348	CNTT348	Đàm Quốc	Hiệu	15/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG014432	CNTT/23/1718	Đạt	
349	CNTT349	Nguyễn Xuân	Hòa	21/12/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG014433	CNTT/23/1719	Đạt	
350	CNTT350	Lý Thị	Hoài	27/12/2004	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014434	CNTT/23/1720	Đạt	
351	CNTT351	Ngọc Thị	Hoan	03/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,0	DBG014435	CNTT/23/1721	Đạt	
352	CNTT352	Lý Ngọc	Hoàng	18/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014436	CNTT/23/1722	Đạt	
353	CNTT353	Nông Văn	Hùng	22/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	DBG014437	CNTT/23/1723	Đạt	
354	CNTT354	Hoàng Quốc	Huy	24/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG014438	CNTT/23/1724	Đạt	
355	CNTT355	Nguyễn Thu	Huyền	10/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	DBG014439	CNTT/23/1725	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
356	CNTT356	Trần Quốc	Hưng	12/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014440	CNTT/23/1726	Đạt	
357	CNTT357	Vi Mạnh	Hưng	18/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014441	CNTT/23/1727	Đạt	
358	CNTT358	Dương Thị Thu	Hương	26/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	DBG014442	CNTT/23/1728	Đạt	
359	CNTT359	Hoàng Thiên	Hương	23/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014443	CNTT/23/1729	Đạt	
360	CNTT360	Lý Thị	Hương	02/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014444	CNTT/23/1730	Đạt	
361	CNTT361	Nguyễn Thị	Hương	23/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014445	CNTT/23/1731	Đạt	
362	CNTT362	Ngọc Thị	Hường	13/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014446	CNTT/23/1732	Đạt	
363	CNTT363	Lương Minh	Khang	23/05/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014447	CNTT/23/1733	Đạt	
364	CNTT364	Mễ Văn	Khánh	14/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014448	CNTT/23/1734	Đạt	
365	CNTT365	Nông Thị Kim	Khánh	28/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG014449	CNTT/23/1735	Đạt	
366	CNTT366	Lý Đức	Kiên	16/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG014450	CNTT/23/1736	Đạt	
367	CNTT367	Trần Đức	Kiên	27/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014451	CNTT/23/1737	Đạt	
368	CNTT368	Đặng Văn	Lan	20/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,0	DBG014452	CNTT/23/1738	Đạt	
369	CNTT369	Nông Văn	Lanh	05/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG014453	CNTT/23/1739	Đạt	
370	CNTT370	Trần Văn	Lành	14/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014454	CNTT/23/1740	Đạt	
371	CNTT371	Dương Mạnh	Lâm	21/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014455	CNTT/23/1741	Đạt	
372	CNTT372	Hoàng Mỹ	Lệ	18/06/2004	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014456	CNTT/23/1742	Đạt	
373	CNTT373	Bùi Thị Diệu	Linh	12/05/2005	Nghệ An	Nữ	6,7	5,5	DBG014457	CNTT/23/1743	Đạt	
374	CNTT374	Phạm Quốc	Lĩnh	14/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014458	CNTT/23/1744	Đạt	
375	CNTT375	Trần Thị	Loan	08/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	7,0	DBG014459	CNTT/23/1745	Đạt	
376	CNTT376	Lê Duy	Long	19/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014460	CNTT/23/1746	Đạt	
377	CNTT377	Triệu Tiến	Long	14/12/2005	Lạng Sơn	Nam	7,5	6,0	DBG014461	CNTT/23/1747	Đạt	
378	CNTT378	Lý Bảo	Lộc	07/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	7,5	DBG014462	CNTT/23/1748	Đạt	
379	CNTT379	Hoàng Thị Thanh	Luyến	02/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014463	CNTT/23/1749	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
380	CNTT380	Trần Quốc	Luyện	09/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG014464	CNTT/23/1750	Đạt	
381	CNTT381	Trần Văn	Lương	27/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014465	CNTT/23/1751	Đạt	
382	CNTT382	Nông Thị	Ly	17/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG014466	CNTT/23/1752	Đạt	
383	CNTT383	Nguyễn Thị	Lý	25/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG014467	CNTT/23/1753	Đạt	
384	CNTT384	Nịnh Thanh	Mai	20/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014468	CNTT/23/1754	Đạt	
385	CNTT385	Lý Đức	Mạnh	26/03/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,0	DBG014469	CNTT/23/1755	Đạt	
386	CNTT386	Nông Đức	Mạnh	28/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014470	CNTT/23/1756	Đạt	
387	CNTT387	Nông Đức	Mạnh	15/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014471	CNTT/23/1757	Đạt	
388	CNTT388	Hoàng Tiểu	Minh	24/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014472	CNTT/23/1758	Đạt	
389	CNTT389	Nguyễn Văn	Minh	11/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014473	CNTT/23/1759	Đạt	
390	CNTT390	Trần Bình	Minh	15/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014474	CNTT/23/1760	Đạt	
391	CNTT391	Vi Hồng	Minh	13/07/2004	Lạng Sơn	Nam	7,5	6,0	DBG014475	CNTT/23/1761	Đạt	
392	CNTT392	Lã Thị	Mừng	11/08/2004	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014476	CNTT/23/1762	Đạt	
393	CNTT393	Nguyễn Thị Trà	My	29/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,5	DBG014477	CNTT/23/1763	Đạt	
394	CNTT394	Nguyễn Văn	Nam	18/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG014478	CNTT/23/1764	Đạt	
395	CNTT395	Trần Thị	Nga	08/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG014479	CNTT/23/1765	Đạt	
396	CNTT396	Triệu Phúc	Ngân	05/12/2005	Lạng Sơn	Nam	6,5	6,5	DBG014480	CNTT/23/1766	Đạt	
397	CNTT397	Vương Quyên	Nghị	30/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014481	CNTT/23/1767	Đạt	
398	CNTT398	Hoàng Văn	Nghiêm	25/09/2003	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014482	CNTT/23/1768	Đạt	
399	CNTT399	Mã Văn	Ngọc	09/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	DBG014483	CNTT/23/1769	Đạt	
400	CNTT400	Hà Văn	Nhớ	01/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014484	CNTT/23/1770	Đạt	
401	CNTT401	Nguyễn Văn	Ninh	25/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014485	CNTT/23/1771	Đạt	
402	CNTT402	Giáp Tuấn	Phong	21/02/2005	Đắk Lắk	Nam	6,5	6,0	DBG014486	CNTT/23/1772	Đạt	
403	CNTT403	Trần Văn	Phúc	26/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG014487	CNTT/23/1773	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
404	CNTT404	Trần Xuân	Phúc	20/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014488	CNTT/23/1774	Đạt	
405	CNTT405	Bế Thị Thu	Phương	10/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	7,0	DBG014489	CNTT/23/1775	Đạt	
406	CNTT406	Ngọc Minh	Phương	04/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014490	CNTT/23/1776	Đạt	
407	CNTT407	Hoàng Đình	Quang	10/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014491	CNTT/23/1777	Đạt	
408	CNTT408	Chu Văn	Quảng	09/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014492	CNTT/23/1778	Đạt	
409	CNTT409	Nguyễn Hồng	Quân	27/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014493	CNTT/23/1779	Đạt	
410	CNTT410	Trương Văn	Quân	05/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014494	CNTT/23/1780	Đạt	
411	CNTT411	Trương Bảo	Quốc	23/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014495	CNTT/23/1781	Đạt	
412	CNTT412	Mễ Thị	Quyên	09/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG014496	CNTT/23/1782	Đạt	
413	CNTT413	Trần Văn	Quyển	08/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014497	CNTT/23/1783	Đạt	
414	CNTT414	Mông Văn	Quỳnh	27/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG014498	CNTT/23/1784	Đạt	
415	CNTT415	Vũ Thị Diễm	Quỳnh	01/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014499	CNTT/23/1785	Đạt	
416	CNTT416	Hoàng Thái	Sinh	05/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014500	CNTT/23/1786	Đạt	
417	CNTT417	Hoàng Đức	Tài	16/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014501	CNTT/23/1787	Đạt	
418	CNTT418	Hoàng Văn	Tâm	27/09/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014502	CNTT/23/1788	Đạt	
419	CNTT419	Lưu Văn	Tâm	19/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014503	CNTT/23/1789	Đạt	
420	CNTT420	Nguyễn Văn	Thái	23/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014504	CNTT/23/1790	Đạt	
421	CNTT421	Hoàng Duy	Thanh	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014505	CNTT/23/1791	Đạt	
422	CNTT422	Nịnh Thị	Thanh	11/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG014506	CNTT/23/1792	Đạt	
423	CNTT423	Trương Thị	Thêm	25/01/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG014507	CNTT/23/1793	Đạt	
424	CNTT424	Đặng Văn	Thiệt	01/06/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014508	CNTT/23/1794	Đạt	
425	CNTT425	Phạm Quang	Thịnh	27/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG014509	CNTT/23/1795	Đạt	
426	CNTT426	Lã Thị	Thu	26/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG014510	CNTT/23/1796	Đạt	
427	CNTT427	Nguyễn Thị	Thu	11/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG014511	CNTT/23/1797	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
428	CNTT428	Hà Thị	Thúy	20/04/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,5	DBG014512	CNTT/23/1798	Đạt	
429	CNTT429	Hoàng Thị	Thúy	01/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG014513	CNTT/23/1799	Đạt	
430	CNTT430	Tô Văn	Thực	07/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014514	CNTT/23/1800	Đạt	
431	CNTT431	Vi Thanh	Thương	25/09/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014515	CNTT/23/1801	Đạt	
432	CNTT432	Vi Văn	Thương	21/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014516	CNTT/23/1802	Đạt	
433	CNTT433	Dương Ngọc	Tiện	10/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014517	CNTT/23/1803	Đạt	
434	CNTT434	Nông Văn	Tiện	19/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014518	CNTT/23/1804	Đạt	
435	CNTT435	Vi Thanh	Toàn	10/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,5	DBG014519	CNTT/23/1805	Đạt	
436	CNTT436	Hoàng Xuân	Tới	02/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014520	CNTT/23/1806	Đạt	
437	CNTT437	Hoàng Xuân	Trường	01/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG014521	CNTT/23/1807	Đạt	
438	CNTT438	Nguyễn Tiến	Trường	15/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014522	CNTT/23/1808	Đạt	
439	CNTT439	Bế Văn	Tuấn	05/06/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014523	CNTT/23/1809	Đạt	
440	CNTT440	Hà Anh	Tuấn	16/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014524	CNTT/23/1810	Đạt	
441	CNTT441	Nịnh Quốc	Tuấn	29/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG014525	CNTT/23/1811	Đạt	
442	CNTT442	Nông Văn	Tuấn	10/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014526	CNTT/23/1812	Đạt	
443	CNTT443	Đỗ Văn	Tùng	04/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014527	CNTT/23/1813	Đạt	
444	CNTT444	Hoàng Xuân	Tùng	22/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014528	CNTT/23/1814	Đạt	
445	CNTT445	Nguyễn Thanh	Tùng	16/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014529	CNTT/23/1815	Đạt	
446	CNTT446	Phùn Văn	Tùng	17/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014530	CNTT/23/1816	Đạt	
447	CNTT447	Ban Văn	Tuyên	23/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014531	CNTT/23/1817	Đạt	
448	CNTT448	Trần Văn	Tuyên	25/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG014532	CNTT/23/1818	Đạt	
449	CNTT449	Đinh Văn	Tuyền	17/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014533	CNTT/23/1819	Đạt	
450	CNTT450	Vi Ánh	Tuyết	10/04/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG014534	CNTT/23/1820	Đạt	
451	CNTT451	Dương Anh	Văn	02/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014535	CNTT/23/1821	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
452	CNTT452	Hồ Thị Thanh Vân	20/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG014536	CNTT/23/1822	Đạt	
453	CNTT453	Lương Công Vinh	05/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG014537	CNTT/23/1823	Đạt	
454	CNTT454	Lưu Thị Vinh	25/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG014538	CNTT/23/1824	Đạt	
455	CNTT455	Vi Văn Vồng	07/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014539	CNTT/23/1825	Đạt	
456	CNTT456	Đặng Văn Vũ	17/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG014540	CNTT/23/1826	Đạt	
457	CNTT457	Hà Văn Vững	28/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG014541	CNTT/23/1827	Đạt	
458	CNTT458	La Văn Vương	15/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG014542	CNTT/23/1828	Đạt	
459	CNTT459	Hoàng Ngọc Vỹ	03/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014543	CNTT/23/1829	Đạt	
460	CNTT460	Nguyễn Duy Anh	22/12/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,0	DBG014544	CNTT/23/1830	Đạt	
461	CNTT461	Nguyễn Quang Anh	16/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG014545	CNTT/23/1831	Đạt	
462	CNTT462	Nguyễn Thế Anh	06/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014546	CNTT/23/1832	Đạt	
463	CNTT463	Nguyễn Trường An	02/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG014547	CNTT/23/1833	Đạt	
464	CNTT464	Nguyễn Tuấn Anh	27/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG014548	CNTT/23/1834	Đạt	
465	CNTT465	Nguyễn Tuấn Anh	05/12/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG014549	CNTT/23/1835	Đạt	
466	CNTT466	Nguyễn Việt Anh	12/11/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG014550	CNTT/23/1836	Đạt	
467	CNTT467	Trần Tuấn Anh	21/06/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014551	CNTT/23/1837	Đạt	
468	CNTT468	Nguyễn Tiến Bắc	02/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG014552	CNTT/23/1838	Đạt	
469	CNTT469	Ngô Quang Bình	09/10/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	7,0	DBG014553	CNTT/23/1839	Đạt	
470	CNTT470	Nguyễn Văn Bình	20/04/2006	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG014554	CNTT/23/1840	Đạt	
471	CNTT471	Nguyễn Văn Bộ	23/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014555	CNTT/23/1841	Đạt	
472	CNTT472	Nguyễn Đức Công	10/01/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG014556	CNTT/23/1842	Đạt	
473	CNTT473	Lâm Thế Cương	23/10/1991	Lạng Sơn	Nam	8,0	8,5	DBG014557	CNTT/23/1843	Đạt	
474	CNTT474	Nguyễn Mạnh Cường	31/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG014558	CNTT/23/1844	Đạt	
475	CNTT475	Vũ Mạnh Cường	12/01/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG014559	CNTT/23/1845	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
476	CNTT476	Nguyễn Văn	Dũng	07/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014560	CNTT/23/1846	Đạt	
477	CNTT477	Nguyễn Đức	Duy	12/11/2006	Hà Nội	Nam	6,5	6,5	DBG014561	CNTT/23/1847	Đạt	
478	CNTT479	Đỗ Đăng	Dương	11/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014562	CNTT/23/1848	Đạt	
479	CNTT480	Nguyễn Tuấn	Dương	22/04/2004	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG014563	CNTT/23/1849	Đạt	
480	CNTT481	Vũ Văn	Đại	17/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014564	CNTT/23/1850	Đạt	
481	CNTT482	Nguyễn Xuân	Đáng	28/06/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG014565	CNTT/23/1851	Đạt	
482	CNTT483	Đỗ Đức	Đạt	05/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG014566	CNTT/23/1852	Đạt	
483	CNTT484	Dương Văn	Đạt	30/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014567	CNTT/23/1853	Đạt	
484	CNTT485	Phạm Văn	Đạt	28/05/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014568	CNTT/23/1854	Đạt	
485	CNTT486	Trần Văn	Đạt	17/07/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	7,0	DBG014569	CNTT/23/1855	Đạt	
486	CNTT487	Nguyễn Danh Hải	Đăng	11/08/2006	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG014570	CNTT/23/1856	Đạt	
487	CNTT489	Trần Văn	Đoàn	07/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG014571	CNTT/23/1857	Đạt	
488	CNTT490	Dương Văn	Đức	15/09/2007	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG014572	CNTT/23/1858	Đạt	
489	CNTT491	Khúc Văn	Đức	17/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014573	CNTT/23/1859	Đạt	
490	CNTT492	Lê Anh	Đức	18/02/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG014574	CNTT/23/1860	Đạt	
491	CNTT493	Nguyễn Minh	Đức	04/06/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG014575	CNTT/23/1861	Đạt	
492	CNTT494	Vũ Hữu	Đức	20/10/2004	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG014576	CNTT/23/1862	Đạt	
493	CNTT495	Nguyễn Trường	Giang	20/08/2006	Bắc Ninh	Nam	8,0	6,0	DBG014577	CNTT/23/1863	Đạt	
494	CNTT496	Bùi Trọng	Giáp	12/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014578	CNTT/23/1864	Đạt	
495	CNTT497	Nguyễn Văn	Hải	09/08/2003	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG014579	CNTT/23/1865	Đạt	
496	CNTT498	Trịnh Đức	Hải	25/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG014580	CNTT/23/1866	Đạt	
497	CNTT499	Nguyễn Anh	Hào	19/07/2004	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG014581	CNTT/23/1867	Đạt	
498	CNTT500	Đặng Ngọc	Hậu	19/12/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014582	CNTT/23/1868	Đạt	
499	CNTT501	Nguyễn Văn	Hậu	08/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG014583	CNTT/23/1869	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
500	CNTT502	Nguyễn Thanh	Hiền	02/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG014584	CNTT/23/1870	Đạt	
501	CNTT503	Nguyễn Thị	Hiền	22/10/1994	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG014585	CNTT/23/1871	Đạt	
502	CNTT504	Nguyễn Văn	Hiền	02/06/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG014586	CNTT/23/1872	Đạt	
503	CNTT505	Lê Đắc	Hiếu	31/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG014587	CNTT/23/1873	Đạt	
504	CNTT506	Nguyễn Văn	Hiếu	24/11/2002	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014588	CNTT/23/1874	Đạt	
505	CNTT507	Nguyễn Việt	Hiếu	15/12/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG014589	CNTT/23/1875	Đạt	
506	CNTT508	Trần Khắc	Hiếu	16/11/2007	Nam Định	Nam	6,5	6,5	DBG014590	CNTT/23/1876	Đạt	
507	CNTT509	Vũ Quốc	Hiếu	08/12/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG014591	CNTT/23/1877	Đạt	
508	CNTT510	Đàm Thị Thu	Hòa	16/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	7,0	5,5	DBG014592	CNTT/23/1878	Đạt	
509	CNTT511	Lê Minh	Hòa	07/03/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014593	CNTT/23/1879	Đạt	
510	CNTT512	Mai Huy	Hoàng	06/12/2007	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG014594	CNTT/23/1880	Đạt	
511	CNTT513	Nguyễn Đăng	Hoàng	10/12/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014595	CNTT/23/1881	Đạt	
512	CNTT514	Nguyễn Đình	Học	07/05/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,0	DBG014596	CNTT/23/1882	Đạt	
513	CNTT515	Lâu Tiên	Hùng	01/04/2006	Bắc Kạn	Nam	6,7	6,0	DBG014597	CNTT/23/1883	Đạt	
514	CNTT516	Nguyễn Phi	Hùng	23/11/2003	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG014598	CNTT/23/1884	Đạt	
515	CNTT517	Trịnh Tiến	Hùng	01/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014599	CNTT/23/1885	Đạt	
516	CNTT518	Nguyễn Quang	Huy	05/11/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014600	CNTT/23/1886	Đạt	
517	CNTT519	Trần Quang	Huy	30/10/2004	Bắc Ninh	Nam	7,0	7,0	DBG014601	CNTT/23/1887	Đạt	
518	CNTT520	Trần Quốc	Huy	11/06/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014602	CNTT/23/1888	Đạt	
519	CNTT521	Bùi Thị Thanh	Thanh Huyền	23/07/2005	Bắc Ninh	Nữ	7,5	5,0	DBG014603	CNTT/23/1889	Đạt	
520	CNTT522	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	08/09/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,7	6,0	DBG014604	CNTT/23/1890	Đạt	
521	CNTT523	Đào Tuấn	Hưng	27/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG014605	CNTT/23/1891	Đạt	
522	CNTT525	Hoàng Thị	Hương	30/11/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	DBG014606	CNTT/23/1892	Đạt	
523	CNTT526	Nguyễn Đắc	Hương	17/07/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG014607	CNTT/23/1893	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
524	CNTT527	Thân Thị Mai	Hương	07/04/1991	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG014608	CNTT/23/1894	Đạt	
525	CNTT528	Phan Văn	Khánh	13/07/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG014609	CNTT/23/1895	Đạt	
526	CNTT529	Lê Đức	Khiêm	08/02/2004	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG014610	CNTT/23/1896	Đạt	
527	CNTT530	Nguyễn Duy	Khôi	24/11/2007	Hòa Bình	Nam	6,2	6,0	DBG014611	CNTT/23/1897	Đạt	
528	CNTT531	Dương Văn	Kiên	15/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG014612	CNTT/23/1898	Đạt	
529	CNTT532	Ngô Trung	Kiên	21/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG014613	CNTT/23/1899	Đạt	
530	CNTT533	Phạm Đình	Kỷ	02/02/2003	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	DBG014614	CNTT/23/1900	Đạt	
531	CNTT534	Trần Thị Phương	Lan	16/09/2000	Bắc Giang	Nữ	8,5	8,0	DBG014615	CNTT/23/1901	Đạt	
532	CNTT536	Nguyễn Sỹ	Liêm	03/09/1986	Bắc Ninh	Nam	8,0	7,5	DBG014616	CNTT/23/1902	Đạt	
533	CNTT537	Hoàng Diệu	Linh	29/10/2000	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,5	DBG014617	CNTT/23/1903	Đạt	
534	CNTT538	Hoàng Thị	Linh	25/06/1996	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	DBG014618	CNTT/23/1904	Đạt	
535	CNTT539	Nguyễn Đức	Long	07/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014619	CNTT/23/1905	Đạt	
536	CNTT540	Nguyễn Bảo	Long	25/05/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014620	CNTT/23/1906	Đạt	
537	CNTT541	Nguyễn Thành	Long	16/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG014621	CNTT/23/1907	Đạt	
538	CNTT542	Dương Thọ	Lợi	01/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG014622	CNTT/23/1908	Đạt	
539	CNTT543	Nguyễn Văn	Lợi	05/05/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014623	CNTT/23/1909	Đạt	
540	CNTT544	Vương Bá	Luật	15/11/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	DBG014624	CNTT/23/1910	Đạt	
541	CNTT545	Trần Văn	Lương	28/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014625	CNTT/23/1911	Đạt	
542	CNTT546	Lưu Xuân	Mai	01/02/2005	Bắc Ninh	Nữ	7,5	8,0	DBG014626	CNTT/23/1912	Đạt	
543	CNTT547	Ngô Tiến	Mạnh	07/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG014627	CNTT/23/1913	Đạt	
544	CNTT548	Nguyễn Đức	Mạnh	28/03/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG014628	CNTT/23/1914	Đạt	
545	CNTT549	Bùi Thị	Mận	08/10/1990	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG014629	CNTT/23/1915	Đạt	
546	CNTT550	Nguyễn Đức	Minh	04/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	8,0	DBG014630	CNTT/23/1916	Đạt	
547	CNTT552	Nguyễn Đức Việt	Nhĩ Mỹ	01/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014631	CNTT/23/1917	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
548	CNTT553	Lưu Quang	Nam	13/07/2000	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG014632	CNTT/23/1918	Đạt	
549	CNTT554	Nguyễn Sỹ	Nam	17/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014633	CNTT/23/1919	Đạt	
550	CNTT555	Nguyễn Văn	Nam	22/10/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014634	CNTT/23/1920	Đạt	
551	CNTT556	Nguyễn Xuân	Nam	30/10/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG014635	CNTT/23/1921	Đạt	
552	CNTT557	Tổng Thành	Nam	16/01/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014636	CNTT/23/1922	Đạt	
553	CNTT559	Vũ Hoài	Nam	08/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014637	CNTT/23/1923	Đạt	
554	CNTT560	Bùi Tá	Nhất	28/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG014638	CNTT/23/1924	Đạt	
555	CNTT561	Đàm Duy	Nhật	12/10/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG014639	CNTT/23/1925	Đạt	
556	CNTT562	Nguyễn Ngọc Nam	Nhật	24/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014640	CNTT/23/1926	Đạt	
557	CNTT563	Dương Thành	Phong	29/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG014641	CNTT/23/1927	Đạt	
558	CNTT564	Phạm Anh	Phong	13/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014642	CNTT/23/1928	Đạt	
559	CNTT565	Nguyễn Đăng	Phòng	28/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG014643	CNTT/23/1929	Đạt	
560	CNTT566	Đỗ Bá	Phú	10/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014644	CNTT/23/1930	Đạt	
561	CNTT567	Trần Đức	Phúc	09/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014645	CNTT/23/1931	Đạt	
562	CNTT568	Phạm Thị	Phương	03/03/1988	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG014646	CNTT/23/1932	Đạt	
563	CNTT569	Nguyễn Đăng	Quang	26/10/2003	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014647	CNTT/23/1933	Đạt	
564	CNTT570	Nguyễn Ngọc	Quang	10/10/1983	Bắc Giang	Nam	7,5	8,5	DBG014648	CNTT/23/1934	Đạt	
565	CNTT571	Nguyễn Tiến	Quân	12/12/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014649	CNTT/23/1935	Đạt	
566	CNTT572	Vũ Anh	Quân	22/07/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG014650	CNTT/23/1936	Đạt	
567	CNTT573	Phạm Chí	Quý	22/09/2004	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG014651	CNTT/23/1937	Đạt	
568	CNTT574	Trần Văn	Quý	20/07/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014652	CNTT/23/1938	Đạt	
569	CNTT575	Nguyễn Văn	Quyển	18/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG014653	CNTT/23/1939	Đạt	
570	CNTT576	Nguyễn Văn	Sáng	01/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG014654	CNTT/23/1940	Đạt	
571	CNTT577	Hoàng Đình Châu	Sơn	07/06/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG014655	CNTT/23/1941	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
572	CNTT578	Nguyễn Văn Sơn	09/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG014656	CNTT/23/1942	Đạt	
573	CNTT579	Trần Nguyên Sơn	04/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014657	CNTT/23/1943	Đạt	
574	CNTT580	Nguyễn Thanh Tâm	04/11/2007	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG014658	CNTT/23/1944	Đạt	
575	CNTT581	Đỗ Việt Thái	23/07/2007	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG014659	CNTT/23/1945	Đạt	
576	CNTT582	Nguyễn Văn Thái	27/07/2006	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG014660	CNTT/23/1946	Đạt	
577	CNTT583	Trương Văn Thái	10/11/2004	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,0	DBG014661	CNTT/23/1947	Đạt	
578	CNTT584	Nguyễn Văn Thành	02/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG014662	CNTT/23/1948	Đạt	
579	CNTT585	Trần Thử	22/07/2004	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	DBG014663	CNTT/23/1949	Đạt	
580	CNTT586	Nguyễn Sỹ Lâm	29/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014664	CNTT/23/1950	Đạt	
581	CNTT587	Đỗ Xuân Thắng	10/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG014665	CNTT/23/1951	Đạt	
582	CNTT588	Nguyễn Văn Thắng	24/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG014666	CNTT/23/1952	Đạt	
583	CNTT589	Phùng Chí Thắng	26/06/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	7,0	DBG014667	CNTT/23/1953	Đạt	
584	CNTT590	Trần Quang Thắng	18/05/2007	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG014668	CNTT/23/1954	Đạt	
585	CNTT591	Trịnh Tiến Thắng	08/02/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014669	CNTT/23/1955	Đạt	
586	CNTT592	Bùi Tá Thọ	23/03/1999	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG014670	CNTT/23/1956	Đạt	
587	CNTT593	Nguyễn Thị Thanh Thùy	19/11/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	DBG014671	CNTT/23/1957	Đạt	
588	CNTT594	Tạ Trần Khánh Tiên	12/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,5	DBG014672	CNTT/23/1958	Đạt	
589	CNTT595	Nguyễn Văn Tiên	01/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG014673	CNTT/23/1959	Đạt	
590	CNTT596	Trịnh Đăng Tính	20/06/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG014674	CNTT/23/1960	Đạt	
591	CNTT597	Phan Thanh Toán	24/01/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG014675	CNTT/23/1961	Đạt	
592	CNTT598	Nguyễn Chí Toàn	26/09/2007	Nam Định	Nam	6,2	6,5	DBG014676	CNTT/23/1962	Đạt	
593	CNTT599	Nguyễn Quốc Toàn	21/05/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014677	CNTT/23/1963	Đạt	
594	CNTT600	Đỗ Xuân Tồn	05/05/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG014678	CNTT/23/1964	Đạt	
595	CNTT601	Vũ Thị Thùy Trang	03/01/2003	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG014679	CNTT/23/1965	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
596	CNTT602	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	25/10/1994	Bắc Ninh	Nữ	7,5	6,0	DBG014680	CNTT/23/1966	Đạt	
597	CNTT603	Đặng Ngọc Trí	27/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	7,0	DBG014681	CNTT/23/1967	Đạt	
598	CNTT604	Đàm Văn Tú	17/06/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	DBG014682	CNTT/23/1968	Đạt	
599	CNTT605	Phạm Văn Tú	07/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG014683	CNTT/23/1969	Đạt	
600	CNTT606	Hoàng Mạnh Tuấn	05/09/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG014684	CNTT/23/1970	Đạt	
601	CNTT607	Ngô Công Tuấn	07/06/2004	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014685	CNTT/23/1971	Đạt	
602	CNTT608	Nguyễn Trọng Tùng	14/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	DBG014686	CNTT/23/1972	Đạt	
603	CNTT609	Phạm Văn Tuyển	12/02/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG014687	CNTT/23/1973	Đạt	
604	CNTT610	Trần Văn Tuyển	25/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG014688	CNTT/23/1974	Đạt	
605	CNTT611	Nguyễn Văn Vinh	13/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG014689	CNTT/23/1975	Đạt	
606	CNTT612	Nguyễn Đăng Vũ	14/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG014690	CNTT/23/1976	Đạt	

Danh sách có 606 thí sinh./.